

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Tạ Khoa)

ĐVT: 1.000 đồng

[illegible]

STT	Tên đơn vị/nội dung	Chương - khoản	Mã nguồn	Dự toán giao năm 2025	Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng dự toán điều chỉnh giảm	Chia ra sự nghiệp:				Tổng dự toán điều chỉnh tăng	Chia ra sự nghiệp:					
						Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	Chi quản lý hành chính	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin - thể dục thể thao - Truyền thanh truyền hình		Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	Chi quản lý hành chính	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin - thể dục thể thao - Truyền thanh truyền hình		
	Kinh phí mua sắm tài sản cho TT HĐND, các ban HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND	830-341	15	-	-					140.000		140.000			140.000	
4	Phòng Văn hoá	832-161	12	193.000	62.925		-	-	62.925	62.925	-	62.925	-	-	193.000	
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ Văn hóa, thể thao, truyền thanh, truyền hình	832-341	12	193.000	62.925				62.925						130.075	
-	Kinh phí tặng danh hiệu gia đình văn hóa, bản văn hóa			0						62.925		62.925			62.925	
5	Phòng Kinh tế			19.000	19.000	19.000	-	-	-	54.000	54.000	-	-	-	54.000	
	Kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	831-281	12	19.000	19.000	19.000				-					-	
	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng trục Quốc lộ 37 (đoạn qua bản Phúc xã Tạ Khoa)	831-338	12	0						19.000	19.000				19.000	
	Kinh phí thay thế cổng chào điểm đầu xã	831-341								35.000	35.000				35.000	

BIỂU SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH CHI THUỜNG XUYÊN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Tạ Khoa)

ĐVT: 1.000 đồng

ST	Tên đơn vị	Chương - khoản	Mã nguồn kinh phí	Dự toán đã giao (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung trong năm	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Giảm	Tăng		
	TỔNG CỘNG:			24.487.976,3	120.000,0	120.000,0	24.487.976,3	
I	Kinh phí chi lương, phụ cấp, chi khác			24.487.976,3	120.000,0	120.000,0	24.487.976,3	
	Hệ mầm non			12.161.018,7	120.000,0	-	12.041.018,7	
1	Trường mầm non Hoà Mi	822-071	13	6.115.676,7	50.000,0		6.065.676,7	
2	Trường Mầm non Ánh Dương			6.045.342,0	70.000,0		5.975.342,0	
	Hệ Tiểu học	822-072	13					
	Hệ THCS	822-073	13	12.326.957,6	-	120.000,0	12.446.957,6	
1	Trường THCS Mường Khoa		13	6.782.639,9		50.000,0	6.832.639,9	
2	Trường PTDTBT THCS Hua Nhân			5.544.317,7		70.000,0	5.614.317,7	

BIỂU SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH MÃ NGUỒN KINH PHÍ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Tạ Khoa)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Chương - khoản	Dự toán đã phân bổ tại quyết định 30/QĐ-UBND					Dự toán điều chỉnh mã nguồn kinh phí		Ghi chú
			Mã nguồn kinh phí	Kinh phí các chính sách khác				Mã nguồn kinh phí	Kinh phí tăng lương, thăng hạng giáo viên; kinh phí thừa giờ giáo viên	
					Kinh phí tăng lương, thăng hạng cho giáo viên	Kinh phí thừa giờ giáo viên tiếng anh	Kinh phí ngoài trời giáo viên thể dục			
	Tổng cộng:			452.044,1	127.774,7	234.755,8	89.513,6	13	452.044,1	
I	Hệ mầm non	822-071	12	15.000,0	15.000,0	-	-	-	15.000,0	
2	Trường Mầm non Ánh Dương			15.000,0	15.000,0				15.000,0	
II	Hệ Tiểu học	822-072	12	176.579,9	72.885,7	61.927,8	41.766,4	13	176.579,9	
1	Trường tiểu học Mường Khoa			80.194,2	69.000,0	1.927,8	9.266,4		80.194,2	
2	Trường PTDTBT TH Hua Nhàn			79.885,7	3.885,7	60.000,0	16.000,0		79.885,7	
3	Trường Tiểu học Tạ Khoa			16.500,0			16.500,0		16.500,0	
III	Hệ THCS	822-073	12	260.464,2	39.889,0	172.828,0	47.747,2	13	260.464,2	
1	Trường THCS Mường Khoa			48.067,2		41.328,0	6.739,2		48.067,2	
2	Trường PTDTBT THCS Hua Nhàn			114.269,0	39.889,0	58.000,0	16.380,0		114.269,0	
3	Trường THCS Tạ Khoa			98.128,0		73.500,0	24.628,0		98.128,0	